TOÀ ÁN NHÂN DÂN **Huyện K-tỉnh Ninh Bình**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2024/HNGĐ-ST
Ngày 09/8/2024
"V/v: Tranh chấp ly hôn "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà : Ông Nguyễn Hữu Mạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Nghi và ông Vũ Xuân Dự

Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Thu Hà, Thư ký Toà án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh Bình.

Ngày 09 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 69/2024/TLST-HNGĐ ngày 04/4/2024 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2024/QĐST - HNGĐ ngày 09/7/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị G, sinh năm 1976; ĐKHK: xóm A, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Nơi ở hiện nay: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh Phan Văn T, sinh năm 1972; ĐKHKvà trú tại: Xóm A, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa: chị G có đơn xin xét xử vắng mặt; anh T vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn ngày 04/4/2024 được bổ sung tại bản tự khai cùng ngày nguyên đơn chị Bùi Thị G trình bày: Chị và anh Phan Văn T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn từ năm 1993 tại UBND xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng sống cùng gia đình anh T tại xóm A, xã T. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống vì vậy vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh, cãi chửi nhau, mâu thuẫn đã được hai bên gia đình giúp đỡ khuyên giải nhưng tình trạng vợ chồng không được cải thiện mà mâu thuẫn ngày càng nặng nề hơn. Do không chịu đựng được nên từ năm 2014 chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và sau đó đi làm ăn, vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi không còn quan tâm gì đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn, chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T để ổn định cuộc sống.

Về con cái: Chị xác định vợ chồng có 02 người con chung nhưng đều đã thành niên, vì vậy khi ly hôn chị không đề nghị giải quyết về vấn đề con cái.

Về tài sản, chị xác định vợ chồng sẽ tự thoả thuận với nhau. Khi ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn trong vụ án anh Phan Văn T, đang sống tại xóm A, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi thụ lý vụ án, Toà án nhân dân huyện K đã giao Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự cho anh T. Mặc dù anh T đang có mặt tại nhà ở xóm A, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình, nhưng anh T chỉ nhận các văn bản tố tụng mà không ký bất kỳ một giấy tờ gì và không trình bày lời khai, cũng không đến Tòa án làm việc, không tham gia phiên hoà giải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: chị Bùi Thị G và anh Phan Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn từ ngày 30/11/1993 tại UBND xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình là nơi chị G có đăng ký hộ khẩu thường trú trước đây. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng gia đình anh T tại xóm A, xã T. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống vì vậy vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh cãi chửi nhau, mâu thuẫn đã được hai bên gia đình giúp đỡ khuyên giải nhưng tình trạng vợ chồng không được cải thiện mà mâu thuẫn ngày càng nặng nề hơn. Vì vậy từ 10 năm nay vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi, cả hai bên không còn quan tâm gì đến nhau. Nay chị G xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, nên xin được ly hôn với anh T để ổn định cuộc sống, còn anh T mặc dù vẫn đang ở tại địa phương và đã được nhận các văn bản tố tụng do Toà án giao nhưng anh có ý bỏ mặc, không trình bày bản khai, không đến Toà án làm việc vì vậy Toà án không tiến hành hoà giải cho các bên được. Qua xem xét chứng cứ do chị G cung cấp là đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân gia đình có xác nhận của trưởng xóm A và xác nhận của UBND xã T là nơi anh T cư trú thì nội dung chính quyền địa phương xác nhận vợ chồng chị G, anh T xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay mỗi người một nơi không còn quan tâm đến nhau .

Từ những căn cứ đó Hội đồng xét xử xét thấy vợ chồng chị G, anh T xảy ra mâu thuẫn đã lâu, cuộc sống chung không có hạnh phúc, vợ chồng sống ly thân từ 10 năm nay, không ai quan tâm đến nhau; mặc dù đã được hai bên gia đình giúp đỡ hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng không còn khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị G đối với anh T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình.

[2] Về con cái và tài sản: Vợ chồng có hai người con chung là Phan Thanh T1, sinh ngày 02/9/1994 và Phan Thị H, sinh ngày 29/10/1997, cả hai con đều đã thành niên nên chị G không yêu cầu giải quyết, còn về tài sản: chị G xác định vợ chồng sẽ tự thoả thuận với nhau nên không yêu cầu giải quyết, còn anh T không có ý kiến gì vì vậy HĐXX không xem xét.

[4] Về án phí: chị G phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; căn cứ Điều 144, 147, 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án:

1. Xử ly hôn giữa chị Bùi Thị G với anh Phan Văn T.

2. Án phí ly hôn sơ thẩm: chị Bùi Thị G phải nộp 300.000đ nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002172 ngày 04/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được THADS, người phải THADS có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS.

Án xử sơ thẩm công khai, chị G và anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện K;
- THADS huyện K;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Mạnh